

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỈNH GIA LAI

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2021/HS - PT

Ngày 25/3/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Hiên.

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Bình; Ông Phan Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Việt Anh - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Ông Cáp Văn Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 108/2020/TLPT - HS ngày 13 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo R do có kháng cáo của bị hại L đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2020/HS - ST ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Gia Lai.

- Bị cáo bị kháng cáo:

Họ và tên: **R**, sinh ngày 19/12/1997 tại tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: Làng Plei KDăm, xã Ia K, huyện I, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Jrai; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông S1 (đã chết) và con bà R1, sinh năm 1960. Gia đình bị cáo có 07 chị em, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 2006, bị cáo là con thứ tư trong gia đình. Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Rô Song: Bà Ngô Thị V – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị hại: Anh L, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Thôn Plei Pa Ama Lim, xã Chư M, huyện I, Gia Lai. Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại L: Bà Bùi Thị P – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người phiên dịch:* Bà Nay H'Yan, công tác tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 00 ngày 05/02/2019, R và Kpă K đi mô tô biển số 81D1-041.85 đến nhà Kpă H (trú cùng làng với R) chơi và uống rượu. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày thì R điều khiển xe mô tô biển số 81D1-041.85 chở theo sau Kpă K đi chơi theo hướng từ xã Chư M đi xã Ia B, huyện I, tỉnh Gia Lai. Khi xe chạy đến đoạn đường bê tông liên xã phía đông huyện I đoạn thuộc thôn Bôn Biah B, xã Ia T, huyện I do R điều khiển xe chạy tốc độ nhanh, đi lấn sang phần đường bên trái mới thấy xe mô tô BKS 81L1-081.26 do điều khiển xe chở theo Rah Lan G, sinh năm 1999 (*trú cùng thôn với L*) đi ngược chiều vừa đến nên R điều khiển xe né tránh nhưng không kịp làm tay lái bên phải và yém chắn gió bên phải xe của R va chạm vào tay lái bên phải và yém chắn gió bên phải xe của L gây tai nạn. Hậu quả làm L và xe mô tô BKS 81L1-081.26 ngã tại chỗ xuống mặt đường bê tông xi măng, còn R và xe mô tô BKS 81D1-041.85 trượt ngã sang lề đường bên trái theo hướng đi của R. Sau tai nạn, R, L, Kpă K và Rah Lan G đều được gia đình mình đưa đi Bệnh viện cấp cứu, điều trị. Cụ thể L được đưa đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Gia Lai, sau đó chuyển đến điều trị tại Bệnh viện Răng hàm mặt Trung ương tại thành phố Hồ Chí Minh đến ngày 11/3/2019 thì xuất viện. R điều trị tại Bệnh viện Quân Y 211 tỉnh Gia Lai đến ngày 25/02/2019 thì ra viện còn Kpă K và Rah Lan G bị thương tích nhẹ. 02 xe mô tô đều hư hỏng nhẹ.

Tại bản kết luận giám định Pháp y về thương tích số 240/2019/TgT, ngày 08/11/2019 của Trung tâm giám định Pháp y tỉnh Gia Lai, kết luận L: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: 66%.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 03/2020/HĐĐG -KL, ngày 17/01/2020 của Hội đồng ĐGTS trong tổ tụng hình sự huyện I, kết luận: Giá trị hư hỏng bị thiệt hại của xe mô tô BKS 81L1-081.26 là 22.000.000 đồng; giá trị còn lại của xe mô tô BKS 81L1-081.26 là 08.000.000 đồng.

* Hiện trường vụ tai nạn giao thông được thể hiện như sau:

Kết quả khám nghiệm hiện trường: Hiện trường xảy ra vụ tai nạn giao thông là đoạn đường thuộc thôn Bôn B, xã Ia T, huyện I là đoạn đường thẳng, mặt đường bằng bê tông xi măng bằng phẳng và thông thoáng, đường rộng 3,5m. Lề đường đất, mỗi bên rộng 1m. Lắc cột mốc là trụ điện số Ia Tul 2/7H làm điểm mốc, nằm trong mép đường bên trái, hướng đi từ xã Ia Tul đi xã Ia Broãi, huyện I; tiến hành khám nghiệm hiện trường các dấu vết, mảnh vỡ, phương tiện nằm tại

hiện trường tất cả đo về mép đường bên phải theo hướng đi từ xã Ia Broái đi hướng xã Chư Mố, huyện I , hiện trường để lại như sau:

+ Xe mô tô 81L1-081.26 (1) nằm trên mặt đường, ngã nghiêng bên trái, đầu xe quay về hướng về xã Chư Mố, đuôi xe quay về hướng xã Ia Broái, huyện I . Trục trước xe mô tô (1) cách mép đường bên phải 1,95m, trục sau cách mép đường bên phải 1,90m, cách trụ điện số Ia Tul 2/7H là 11,90m.

+ Vết máu không rõ hình có diện (45x30)cm, điểm gần nhất cách trục sau xe (1) là 70cm, điểm xa nhất cách mép đường bên phải là 03m.

+ Khu vực mảnh vỡ (3) không rõ hình có diện (4,8x3,70)m nằm xung quanh xe mô tô (1), điểm gần nhất cách mép đường bên phải 1m, điểm xa nhất cách mép đường bên phải 2,32m, cách trục trước xe (1) 70cm.

+ Xe mô tô 81D1-041.85 nằm ngoài lề đường, ngã nghiêng bên trái, đầu xe quay về hướng xã Ia Broái, đuôi xe quay về hướng xã Chư Mố, huyện I , trục trước cách mép đường bên phải 2,95m, trục sau cách mép đường bên phải 2,50m, cách trục sau xe mô tô (1) 7,20m.

+ Vết cày (5) diện (3x0,01x0,01)m, đầu vết cày cách mép đường bên phải 1,09m, cách trục sau xe mô tô (1) 4,70m, cuối vết cày cách mép đường bên phải 2,40m, cách trục trước xe (4) là 0,8m.

+ Tại biên bản xác định đường kính bánh trước xe mô tô BKS 81L1 - 081.26 tính từ tâm trục bánh trước đến mép ngoài lốp xe đo được 30cm.

Tại Cáo trạng số: 08/CT-VKS ngày 23/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện I , tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo R về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2020/HS - ST ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện I , tỉnh Gia Lai đã quyết định:

-Tuyên bố: bị cáo R phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo R ô Song: 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

-Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng 584, 585, 586 và 590 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo R bồi thường cho bị hại L 168.957.028 đồng (Một trăm sáu mươi tám triệu, chín trăm năm mươi bảy nghìn, không trăm hai mươi tám đồng) được khấu trừ số tiền 15.000.000 đồng do bị cáo đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002342 ngày 20/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện I , bị cáo còn phải

tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 153.957.028 đồng (*Một trăm năm mươi ba triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn không trăm hai mươi tám đồng*).

Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/9/2020 bị hại L kháng cáo với các nội dung:

Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Rô Song.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị tăng mức bồi thường dân sự với các khoản cụ thể như sau:

1. Tiền sửa xe: 33.733.000đồng.
2. Tiền bồi dưỡng sức khỏe trong thời gian điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai và tại Bệnh viện ở thành phố Hồ Chí Minh: 44.400.000đồng.
3. Tiền mua bím, đồ dùng cá nhân cho bị hại khi điều trị: 15.750.000đồng.
4. Tiền vé xe là: 62.000.000đồng.
5. Tiền công lao động thực tế bị mất: 180 ngày x 200.000đồng/ngày = 36.000.000đồng.
6. Tiền bồi thường tổn thất về tinh thần: 74.500.000đồng.
7. Chi phí điều trị tại bệnh viện: 34.166.818 đồng + 12.077.876đồng = 46.244.964đồng.
8. Tiền thuốc điều trị tại nhà: 10.000.000đồng.
9. Tiền sửa mũi sau này: 100.000.000đồng.
10. Bồi thường theo phong tục: 02 bình rượu ghè, 01con trâu, 01 con dê.

*** Tại phiên toà phúc thẩm:**

Bị hại vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đơn kháng cáo trong hạn luật định nên được cấp phúc thẩm xem xét giải quyết.

- *Ý kiến của bị cáo:* Thừa nhận hành vi phạm tội đúng như cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt; Về yêu cầu kháng cáo của bị hại đề nghị tăng mức bồi thường, hiện nay hoàn cảnh kinh tế của bị cáo rất khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên mức bồi thường như Toà án cấp sơ thẩm đã tuyên.

- Ý kiến của bị hại: Giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tăng hình phạt đối với bị cáo, tăng mức bồi thường thiệt hại.

- *Quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:*

Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên phạt bị cáo R 01 (một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo quy

định tại điểm b khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật, hình phạt tương xứng, phù hợp, đã xem xét về nhân thân, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, đảm bảo tác dụng răn đe, giáo dục riêng, phòng ngừa chung. Do đó kháng cáo của đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo là không có căn cứ, nên không được chấp nhận. Đối với mức bồi thường dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại tổng cộng các khoản 168.957.028 đồng là phù hợp. Bị hại kháng cáo tăng mức bồi thường nhưng không có căn cứ vì vậy không chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- *Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo:* Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị hại. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- *Ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi hợp pháp cho bị hại:* Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị hại về việc đề nghị tăng hình phạt, tăng mức bồi thường thiệt hại đối với bị cáo.

- *Lời nói sau cùng của bị cáo:* Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo R khai nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng đã truy tố, phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm, lời khai của người bị hại, người làm chứng, kết quả khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ và các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Đủ cơ sở khẳng định, vào khoảng 18 giờ ngày 05/02/2019, R có giấy phép lái xe hạng A1, đã điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 81D1 – 04185 lưu thông trên đường giao thông liên xã phía đông huyện I, khi đi đến đoạn đường thuộc thôn Bôn Biah B, xã Ia T, huyện I, do chạy tốc độ nhanh, thiếu quan sát nên đã chạy lấn sang phần đường bên trái va chạm với xe mô tô BKS 81L1-081.26 do L điều khiển chở sau G chạy hướng ngược lại, gây tai nạn, hậu quả anh L bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể 66%. Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo R về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của bị hại L :

Đối với nội dung kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo thấy rằng: Khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét về nhân thân, áp dụng các

tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo R hình phạt 1 (một) năm 3 (ba) tháng tù là phù hợp, tương xứng, đã xem xét về nhân thân, các tình tiết của vụ án, đảm bảo tác dụng răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Bị hại kháng cáo nhưng không có căn cứ vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo L .

Đối với nội dung kháng cáo đề nghị tăng mức bồi thường thiệt hại: Căn cứ vào các quy định của pháp luật, hành vi, hậu quả, thiệt hại đã xảy ra, mức độ lỗi của bị cáo, chi phí thực tế, hợp lý, lao động trung bình tại địa phương, các khoản bị hại yêu cầu bồi thường thì Toà án cấp sơ thẩm đã buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại các khoản sau là phù hợp, thoả đáng, có căn cứ, đúng pháp luật, cụ thể:

1. Tiền sửa xe máy: 22.000.000đồng.

2. Tiền bồi dưỡng sức khoẻ: 22.200.000đồng.

3. Tiền vé xe: 31.677.000 đồng.

4. Tiền công lao động bị hại anh L bị mất trong thời gian điều trị từ ngày 05/02/2019 đến khi kết thúc điều trị ngoại trú ngày 17/6/2019 là 132 ngày: 19.800.000 đồng;

4. Tiền công lao động của người chăm sóc bị hại bị mất trong thời gian điều trị từ ngày 05/2/2019 đến khi kết thúc điều trị ngoại trú ngày 17/6/2019: 19.800.000 đồng;

5. Chi phí điều trị có hoá đơn chứng từ: 3.480.028đồng

6. Tiền bồi thường tổn thất về tinh thần: 50.000.000đồng.

Tổng cộng 6 khoản bị cáo phải bồi thường là 168.957.028 đồng

Bị hại kháng cáo yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm về chi phí điều trị cho bị hại khi điều trị tại nhà, tiền mua bím, đồ dùng cá nhân, tiền thuốc điều trị tại nhà, bồi thường về chi phí sửa xe máy, chi phí điều trị tại bệnh viện, tiền sửa mũi, bồi thường theo phong tục, tiền bồi dưỡng phục hồi sức khoẻ, tiền công lao động thực tế bị mất, tổn thất về tinh thần, tiền vé xe thấy rằng, thế nhưng bị hại không cung cấp được chứng cứ, tài liệu gì mới, những khoản yêu cầu tăng thêm nào là không có căn cứ, không phù hợp quy định của pháp luật. Vì vậy, không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần dân sự.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo R: 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

[2]. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng 584, 585, 586 và 590 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo R bồi thường cho bị hại anh L số tiền 168.957.028 đồng (*Một trăm sáu mươi tám triệu, chín trăm năm mươi bảy nghìn, không trăm hai mươi tám đồng*) đã bồi thường 15.000.000 đồng mà bị cáo đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002342 ngày 20/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện I, tỉnh Gia Lai còn phải tiếp tục bồi thường 153.957.028 đồng (*Một trăm năm mươi ba triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn không trăm hai mươi tám đồng*).

Bị hại anh L được nhận số tiền 15.000.000 đồng trên mà bị cáo đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002342 ngày 20/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện I, tỉnh Gia Lai.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326-2016-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về Án phí, Lệ phí Tòa án:

Bị hại anh L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND huyện I ;
- Chi cục THA huyện I ;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Văn Hiên

